SỞ GD & ĐT

TRƯỜNG THPT

--------------------

*(Đề thi có 04 trang)*

# ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 1 NĂM HỌC 2025

**MÔN: ĐỊA LÍ**

*Thời gian làm bài: 50 phút; không kể thời gian phát đề*

*(40 câu trắc nghiệm)*

Họ và tên: ............................................................................ Số báo danh: ............ **Mã đề 101**

**Câu 1.** Nhân tố tác động chủ yếu đến sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay là

**A.** nguồn lao động đông đảo, trình độ cao.

**B.** quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**C.** thị trường tiêu thụ rộng, có nhu cầu lớn.

**D.** tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đa dạng.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết Đồng Hới thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Bình. **B.** Quảng Trị. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây chảy qua Lạng Sơn ?

**A.** Sông Chu. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Hồng. **D.** Sông Kì Cùng **Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến quốc lộ nào **không** kết nối Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Quốc lộ 25. **B.** Quốc lộ 20. **C.** Quốc lộ 24. **D.** Quốc lộ 19.

**Câu 5.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết mỏ sắt Trại Cau thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Bắc Ninh. **B.** Lạng Sơn. **C.** Thái Nguyên. **D.** Bắc Giang.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết miền Bắc có nhà máy nhiệt điện nào sau đây?

**A.** Na Dương. **B.** Thác Bà. **C.** Nậm Mu. **D.** Hòa Bình.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** có ngành chế biến nông sản?

**A.** Sóc Trăng. **B.** Cần Thơ. **C.** Cà Mau. **D.** Kiên Lương.

**Câu 8.** Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**B.** Khai thác tốt thế mạnh, đa dạng hóa hoạt động sản xuất.

**C.** Thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.

**D.** Nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉnh** | **Phú Thọ** | **Điện Biên** | **Lai Châu** | **Sơn La** |
| Diện tích *(km2)* | 3534,6 | 9541,3 | 9068,8 | 14123,5 |
| Dân số *(nghìn người)* | 1481,9 | 613,5 | 469,8 | 1270,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và dân số của một số tỉnh, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Phú Thọ. **C.** Cao Bằng. **D.** Bình Dương.

**Câu 11.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đèo Cả nằm trên tuyến đường ô tô nào sau đây?

**A.** Số 27. **B.** Số 1. **C.** Số 26. **D.** Số 19.

**Câu 12.** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

**A.** đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.

**B.** khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.

**C.** tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

**D.** nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

**Câu 13.** Việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** thay đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu.

**B.** thuận lợi cho bảo quản vận chuyển, tiêu thụ.

**C.** nâng cao giá trị, tăng các sản phẩm hàng hóa.

**D.** thúc đẩy sản xuất thâm canh, tăng nông sản.

**Câu 14.** Cho biểu đồ về giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2013 - 2020:



*(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô và cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu.

**B.** Thay đổi quy mô giá trị xuất nhập khẩu.

**C.** Thay đổi cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu.

**D.** Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất nhập khẩu.

**Câu 15.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết hồ Đơn Dương thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Quảng Ngãi. **B.** Lâm Đồng. **C.** Bình Định. **D.** Đắk Lắk.

**Câu 16.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp quốc gia?

**A.** Đà Lạt. **B.** Nha Trang. **C.** Vinh. **D.** Huế.

**Câu 17.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế chủ yếu là do

**A.** chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước, lao động có trình độ, giao thông thuận lợi.

**B.** giao thông thuận lợi hơn, có nhiều cửa khẩu quốc tế quan trọng, lao động có trình độ.

**C.** nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm, nhiều đô thị quy mô lớn, hạ tầng được cải thiện.

**D.** nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, hạ tầng được cải thiện, chính sách phát triển.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Tây Trang. **B.** Mộc Bài. **C.** Hữu nghị . **D.** Nậm Cắn.

**Câu 19.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong các trung tâm sau?

**A.** Cần Thơ. **B.** Biên Hòa. **C.** Sóc Trăng. **D.** Thủ Dầu Một.

**Câu 20.** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế ven biển?

**A.** Long An. **B.** Đồng Tháp. **C.** Cà Mau. **D.** Vĩnh Long.

**Câu 21.** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

**A.** tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

**B.** số lượng ngành còn kém đa dạng.

**C.** giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.

**D.** nổi lên một số ngành trọng điểm.

**Câu 22.** Khó khăn về tự nhiên đối với phát triển ngành thủy sản nước ta hiện nay là

**A.** nguồn lợi thủy sản đang suy giảm. **B.** trình độ của lao động còn chưa cao.

**C.** công nghệ chế biến chậm đổi mới. **D.** cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu.

**Câu 23.** Vùng nào sau đây ở nước ta ít chịu ảnh hưởng của bão nhất?

**A.** Nam Trung Bộ. **B.** Nam Bộ. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Bắc Bộ.

**Câu 24.** Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.

**B.** phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.

**C.** đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.

**D.** cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

**Câu 25.** Các đô thị nước ta hiện nay

**A.** hầu hết được phân bố ở dọc ven biển.

**B.** chỉ phát triển các hoạt động dịch vụ.

**C.** đều là các trung tâm công nghiệp lớn.

**D.** có sức hút đối với các nguồn đầu tư.

**Câu 26.** Vùng nội thủy của biển nước ta

**A.** nằm ở phía trong đường cơ sở. **B.** là phần nằm ngầm ở dưới biển.

**C.** bao gồm các quần đảo ở xa bờ. **D.** hợp với lãnh hải rộng 12 hải lí.

**Câu 27.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ngành hàng không nước ta hiện nay?

**A.** Chủ yếu vận chuyển hàng hóa xuất khẩu.

**B.** Cơ sở vật chất kĩ thuật được hiện đại hóa.

**C.** Đang mở thêm nhiều đường bay quốc tế.

**D.** Một số cảng hàng không được nâng cấp.

**Câu 28.** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tăng cường khả năng cạnh tranh cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

**B.** tăng cường mối quan hệ với hai vùng kinh tế năng động của đất nước.

**C.** tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.

**D.** thu hút thêm nguồn đầu tư, mở rộng vùng hậu phương cảng cho vùng.

**Câu 29.** Biện pháp chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ hiện nay

**A.** phát triển giáo dục, phát triển cơ sở năng lượng và du lịch.

**B.** đẩy mạnh khai khoáng, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường.

**C.** thu hút vốn đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng và năng lượng.

**D.** xây dựng khu công nghiệp, phát triển giáo dục, năng lượng.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Bến Tre. **B.** Ninh Thuận. **C.** Đồng Tháp. **D.** Lâm Đồng. **Câu 31.** Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

**A.** địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.

**B.** các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.

**C.** dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.

**D.** gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.

**Câu 32.** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG MÍA ĐƯỜNG CỦA MI-AN-MA VÀ VIỆT NAM NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://*[*www.aseanstats.org)*](http://www.aseanstats.org/)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng mía đường của Mi-an-ma và Việt Nam?

**A.** Mi-an-ma tăng, Việt Nam giảm. **B.** Việt Nam giảm, Mi-an-ma giảm.

**C.** Việt Nam tăng, Mi-an-ma tăng. **D.** Mi-an-ma giảm, Việt Nam tăng.

**Câu 33.** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÂY, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Giá trị** | **2015** | **2018** | **2019** | **2020** |
| Xuất khẩu | 6338 | 6577 | 7248 | 6608 |
| Nhập khẩu | 3235 | 4168 | 5100 | 5343 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://*[*www.aseanstats.org)*](http://www.aseanstats.org/)

Theo bảng số liệu, cho biết Bru-nây xuất siêu lớn nhất vào năm nào sau đây?

**A.** Năm 2020. **B.** Năm 2015. **C.** Năm 2019. **D.** Năm 2018.

**Câu 34.** Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Gạo, ngô. **B.** Nước mắm. **C.** Cà phê nhân. **D.** Đường mía.

**Câu 35.** Cây công nghiệp lâu năm của nước ta hiện nay

**A.** chỉ phục vụ nhu cầu xuất khẩu. **B.** không có sự thay đổi về diện tích.

**C.** chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt. **D.** phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi.

**Câu 36.** Điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là

**A.** ven biển có nhiều vụng biển kín, nhiều cửa sông.

**B.** nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

**C.** có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

**D.** vùng biển có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú.

**Câu 37.** Khó khăn lớn nhất của nguồn lao động nước ta hiện nay là

**A.** thể lực còn rất hạn chế. **B.** số lượng quá đông đảo.

**C.** số lượng tăng rất nhanh. **D.** trình độ vẫn còn hạn chế.

**Câu 38.** Biện pháp **không** có tác dụng trong chống xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

**A.** bón phân hữu cơ. **B.** đào hố vẩy cá.

**C.** làm ruộng bậc thang. **D.** trồng cây theo băng.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có biên độ nhiệt độ trung bình năm cao nhất?

**A.** Đà Lạt. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Nẵng. **D.** Cần Thơ.

**Câu 40.** Để tránh mất nước ở các hồ chứa, Đông Nam Bộ cần

**A.** bảo vệ rừng trên vùng thượng lưu. **B.** hình thành thêm các vườn quốc gia.

**C.** tăng cường trồng rừng ngập mặn. **D.** bảo vệ các khu dự trữ sinh quyển.

***HẾT***

SỞ GD&ĐT

**TRƯỜNG THPT**

(*Đáp án gồm 01 trang* )

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2 NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Các mã đề** |
| **101** | **102** | **103** | **104** | **105** | **106** | **107** | **108** |
| 1 | B | B | B | D | D | D | D | A |
| 2 | A | C | D | C | A | C | A | B |
| 3 | D | D | A | A | C | A | C | D |
| 4 | B | D | C | D | D | C | D | C |
| 5 | C | D | B | D | D | C | A | B |
| 6 | A | B | B | C | B | A | D | B |
| 7 | D | D | B | C | A | A | B | D |
| 8 | A | C | C | C | D | A | C | B |
| 9 | A | C | C | C | D | A | B | D |
| 10 | A | C | D | C | C | B | C | D |
| 11 | B | D | A | D | A | B | D | B |
| 12 | C | C | B | D | B | A | C | D |
| 13 | C | D | C | D | C | B | C | B |
| 14 | C | D | C | D | B | B | A | C |
| 15 | B | A | A | B | C | B | B | D |
| 16 | D | B | A | A | C | B | B | C |
| 17 | D | A | A | A | D | A | D | D |
| 18 | D | A | C | C | C | D | A | D |
| 19 | C | A | C | D | B | C | A | B |
| 20 | C | B | B | C | B | C | C | A |
| 21 | D | A | C | B | B | B | A | C |
| 22 | A | B | D | D | D | C | A | B |
| 23 | B | A | B | B | D | D | B | D |
| 24 | D | C | A | B | D | A | D | D |
| 25 | D | C | C | B | B | C | B | A |
| 26 | A | A | C | B | C | A | A | B |
| 27 | A | D | D | C | A | C | D | D |
| 28 | C | C | A | A | C | B | A | B |
| 29 | C | C | A | B | B | D | D | B |
| 30 | C | D | A | A | B | B | A | C |
| 31 | C | A | B | B | C | D | C | D |
| 32 | A | D | B | D | C | C | A | C |
| 33 | B | D | A | A | A | C | D | B |
| 34 | B | C | D | B | C | D | A | D |
| 35 | D | C | D | C | C | C | A | B |
| 36 | C | D | C | D | D | A | A | D |
| 37 | D | A | B | A | B | D | C | A |
| 38 | A | A | D | D | D | B | D | A |
| 39 | C | C | D | B | A | D | A | C |
| 40 | A | A | D | D | A | A | B | A |